TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2023/DS - ST
Ngày: 15- 12 - 2023
"V/v tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy giao nhận tiền"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 631/2020/TLST-DS ngày 02/11/2020 về việc "tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy giao nhận tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2023/QĐXXST-DS ngày 04/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: 4 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị V, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành C – Chi cục trưởng thi hành án là người đại diện theo pháp luật (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Kim H trình bày:

Bà là con đẻ của ông Trương Văn Đ. Tại Bản án số 105/2011/DSST ngày 21/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tuyên xử: "ghi nhận sự tự nguyện

thỏa thuận giữ Trương Văn Đ với ông Phạm Văn H1, bà Phan Thị D, bà Phan Thị T có diện tích là 3m^2 để ông Đ đủ đất phía sau". Vị trí đất thuộc một phần thửa 717, tờ bản đồ số 22, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; ký hiệu STT 1 của Trích đo bản đồ địa chính số 22 ngày 17/5/2011; được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ ký duyệt. Không đồng ý với Bản án số 105 nên ông Đ đã làm đơn kháng cáo. Sau khi kháng cáo ông Đ chết nên bà là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ đã rút đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 29/2015/QĐ-ĐC ngày 26/10/2015. Bản án số 105 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có hiệu lực pháp luật từ ngày 26/10/2015.

Ngày 18/5/2020, gia đình bà nộp đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà thi hành Bản án số 105. Qúa trình tổ chức thi hành án, bà T là người phải thi hành trả cho ông Đ do bà H đại diện kế thừa diện tích là 3m^2 thuộc thửa 717 nêu trên. Tuy nhiên, bà T đã chết vào ngày 07/02/2017, quyền sử dụng đất tại thửa 717 đã được chuyển giao cho bà Phan Thị V và bà V đang đứng tên trên giấy CNQSD đất, trực tiếp quản lý sử dụng đất (Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đã xác minh) nên người phải thi hành án bản án là bà V.

Ngày 19/8/2020, bà, bà V và ông H1 đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa để thỏa thuận thi hành án, nội dung thỏa thuận như sau: "Bà Trương Thị Kim H đồng ý hỗ trợ cho bà Phan Thị V 20.000.000 đồng và định ngày 27/8/2020 bà H giao tiền, bà V giao đất". Nội dung thỏa thuận được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa lập Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 19/8/2020. Sự thỏa thuận giữa bà H và bà V là tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc, không ai hướng dẫn.

Ngày 27/8/2020, bà giao cho bà V số tiền 20.000.000 đồng, có lập giấy giao tiền cùng ngày. Cùng ngày, Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tổ chức thi hành bản án, nhưng bà V không giao đủ đất cho bà theo như thỏa thuận. Do hình thể thửa đất 606 của ông Đ là hình thang, nên bà yêu cầu bà V giao đất ở phía sau để thửa đất của ông Đ có kích thước tứ cạnh như sau: Cạnh phía tây và phía đông dài 35,6m; cạnh phía nam và phía bắc dài 7m; cạnh ngang phía bắc (6,96m) của Mảnh trích đo địa chính số 505-2023 ngày 18/9/2023 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 22/9/2023 phải có kích thước lớn hơn 7m. Như vậy, sau khi bà V giao diện tích 3m^2 tại phần quyết định của bản án số 105 thì diện tích đất của ông Đ sẽ là: [(35,4m +36m) x 7m] : 2 = 249,9m^2. Do bà V không thực hiện đúng như thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy giao tiền ngày 27/8/2020.

Ngày 27/8/2020, sau khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa và các ban ngành liên quan kéo dây đo đất và giao đất cho bà xong, bà đã cho người xây dựng tường rao xung quanh đất của mình và ký tên vào Biên bản về việc giao tài sản tự nguyện ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. Bà cho rằng không đồng ý với việc giao đất của bà V nhưng vẫn ký tên vào biên bản và cho xây dựng tường rào nhằm mục đích khiếu nại về sau.

Trong quá trình giải quyết vụ và tại phiên toà bị đơn bà Phan Thị V trình bày:

Việc thi hành Bản án số 105 không phải nghĩa vụ của bà. Tại thời điểm bà nhận chuyển nhượng thửa đất 717 của bà T, bà không biết bà T có nghĩa vụ thi hành án đối với ông Đ liên quan đến thửa đất 717. Tuy nhiên, vì tình làng, nghĩa xóm, không muốn tranh chấp nên bà đã tự nguyên thỏa thuận thi hành án với bà H. Theo đó, ngày 27/8/2020, bà V giao cho bà H hai tấc đất để đất bà H được vuông vức 7m, bà H có trách nhiệm giao cho bà vàng số tiền 20.000.000 đồng. Việc giao đất có sự chứng kiến của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa và các cơ quan ban ngành. Sau khi nhận đất, bà H cũng đã xây dựng tường gạch xung quanh diện tích đất. Thỏa thuận giữa bà và bà H là tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc, đã thực hiện xong trên thực tế. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 20.000.000 đồng và hủy giấy giao tiền ngày 27/8/2020 là không có căn cứ, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa có văn bản trình bày:

Theo quyết định thi hành án số 2068/QĐ-CCTHADS ngày 20/5/2020 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa thì ông Phạm Văn H1, bà Phan Thị D, bà Phan Thị T phải thi hành án: "Giao cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ ông Trương Văn Đ là bà Lê Thị L, ông Trương Vĩnh L1, bà Trương Thị Kim T1, bà Trương Thị Kim H2, bà Trương Thị Kim H và ông Trương Vĩnh N một phần đất ngang 0,3m; dài 20m giáp đất bà Phan Thị T có diện tích là 3m^2 để đủ phần đất phía sau" (do bà H đại diện theo ủy quyền cho các thừa kế nêu trên). Riêng bà Lê Thị L không có ủy quyền cho bà H. Bản án đã có hiệu lực pháp luật từ ngày 26/10/2015 theo Quyết định đình chỉ phúc thẩm số 29/2015/QĐ-ĐC ngày 26/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhưng đến ngày 18/5/2020 gia đình bà H mới nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Quá trình tổ chức thi hành án thì được biết bà Phan Thị T là người phải thi hành án đã chết vào ngày 07/02/2017, quyền sử dụng đất tại thửa số 717 trước đây do bà T đứng tên đã được chuyển quyền lại cho bà Phan Thị V và bà V đang sử dụng trực tiếp.

Ngày 19/8/2020, bà H, bà V, ông Phạm Văn H1 đến trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tự nguyện thỏa thuận việc thi hành án với nội dung: "Bà Trương Thị Kim H đồng ý hỗ trợ cho bà Phan Thị V 20.000.000 đồng và định ngày 27/8/2020 bà H giao tiền, bà V giao đất". Thỏa thuận trên nhằm tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thi hành án, đồng thời số tiền 20.000.000 đồng mà các bên tự thỏa thuận không được nêu trong bản án nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa không có trách nhiệm và không có thẩm quyền thu, chi mà chỉ thực hiện việc giao đất theo thỏa thuận.

Ngày 27/8/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa phối hợp cùng với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ và UBND xã Đ tiến hành giao đất theo thỏa thuận cho bà H, quá trình giao đất có sự tham gia của bà Phan Thị V (là người đang đứng tên và sử dụng trực tiếp thửa đất 717) và ông Phạn Văn H3 Hòa (là người phải thi hành án). Tại thời điểm giao đất, Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Đức Hòa và cơ quan chuyện môn đã xác định đúng phần đất và vị trí được giao cho bà H gồm: "Phần đất ngang 0,3 m; dài 0-20m giáp đất bà Phan Thị T có diện tích là 3m để đủ phần đất phía sau theo bản án tuyên". Trong quá trình giao đất bà H đã tham gia và ký biên bản nhận đúng, đủ diện tích đất nêu trên.

Tuy nhiên, trong quá trình ra quyết định thi hành án và tổ chức việc thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa còn thiếu sót chưa đưa bà Lê Thị L vào thành phần tham với tư cách là người được thi hành án (người thừa kế của ông Trương Văn Đ). Ngày 24/12/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa ra Quyết định số 33/QĐ-CCTHADS về việc sửa đổi, bổ sung" Quyết định thi hành án số: 2086/QĐ-CCTHADS ngày 20/5/2020, Nội dung: Bổ sung người được thi hành án là bà Lê Thị L. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang tiếp tục triệu tập bà L đến để giải quyết liên quan đến việc giao đất nêu trên (nên việc thi hành án chưa thi hành xong đối với bà L).

Riêng việc giao nhận số tiền 20.000.000 đồng giữa bà H và bà V là các bên tự thỏa thuận không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nên Chi cục không có ý kiến trong quá trình giải quyết của Tòa án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa phân công ông Nguyễn Thành C - Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tham gia tố tụng. Do điều kiện công tác nên Chi cục xin vắng các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nội dung thỏa thuận của bà H và bà V tại Biên bản ngày 19/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa nằm ngoài nội dung phải thi hành của Bản án số 105. Việc thỏa thuận là tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc và đã được thực hiện xong trên thực tế được thể hiện tại Biên bản giao nhận tài sản tự nguyện ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy giao tiền, phát sinh từ thỏa thuận thi hành án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Đ. Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức

Hòa và quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu hủy giấy giao tiền".

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về xác định người tham gia tố tụng trong vụ án: Ông Phạm Văn H1 là người có mặt và ký tên tại Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án ngày 19/8/2020, Biên bản về việc giao tài sản tự nguyện ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Tuy nhiên, ông H1 không tham gia vào quá trình thỏa thuận giao nhận số tiền 20.000.000 đồng giữa bà V và H. Các bên đương sự chỉ tranh chấp liên quan đến số tiền 20.000.000 đồng và biên nhận giao tiền. Do đó, ông H1 không có quyền lợi hay nghĩa liên quan trong vụ án vụ án. Căn cứ Điều 70 của BLTDS, Tòa án không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

Về xét xử vắng mặt: Căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ do có đơn xin xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Bà H là người thừa kế và người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế của ông Trương Văn Đ; được quyền yêu cầu thi hành bản án số 105/2011/DSST ngày 21/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa. Nội dung thi hành "ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữ Trương Văn Đ với ông Phạm Văn H1, bà Phan Thị D, bà Phan Thị T có diện tích là 3m^2 để ông Đ đủ đất phía sau"; Vị trí đất thuộc một phần thửa 717, tờ bản đồ số 22, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; ký hiệu STT 1 của Trích đo bản đồ địa chính số 22 ngày 17/5/2011; được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ ký duyệt. Quá trình tổ chức thi hành án xác định bà T là người có nghĩa vụ thi hành Bản án số 105 đối với ông Đ, không phải nghĩa vụ của bà V.

Tuy nhiên, tại thời điểm tổ chức thi hành án, bà T đã chết và bà V là người đứng tên trên giấy CNQSD đất thửa 717. Bà V và bà H đã tự nguyện thỏa thuận thi hành Bản án số 105. Theo đó, bà H hỗ trợ bà V số tiền 20.000.000 đồng, bà V giao đất theo nội dung bản án đã tuyên. Nội dung thỏa thuận được thể hiện tại Biên bản ngày 19/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Việc thi hành án dựa trên nội dung thỏa thuận tại Biên bản ngày 19/8/2020 đã được thực hiện xong vào ngày 27/8/2020. Bà H đã giao cho bà V số tiền 20.000.000 đồng. Bà V đã giao đất cho bà H. Cùng ngày, bà H đã cho xây dựng tường gạch bao quanh diện tích đất của mình theo đúng diện tích đất bà V đã giao. Sự việc giao đất đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa lập Biên bản về việc giao tài sản tự nguyện ngày 27/8/2020.

Bà H cho rằng diện tích của bà sau khi được giao phải đảm bảo như sau: Cạnh phía tây và phía đông dài 35,6m; cạnh phía nam và phía bắc dài 7m; cạnh ngang phía bắc (6,96m) của Mảnh trích đo địa chính số 505-2023 ngày 18/9/2023 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ký duyệt ngày 22/9/2023 phải có kích thước lớn hơn 7m. Tổng diện tích thửa đất của ông Đ sẽ là: [(35,4m +36m) x 7m]

: 2 = 249,9m^2. Tuy nhiên, lời trình bày của bà H không đúng với nội dung thỏa thuận và thi hành tại Biên bản ngày 19/8/2020; Biên bản ngày ngày 27/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Đồng thời, thỏa thuận thi hành án giữa bà H và bà V là tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc, đã được thực hiện xong. Do đó, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 2.684.000 đồng. Bà H phải chịu, đã nộp và chi xong.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu số tiền 1.000.000 đồng án phí có giá ngạch trên số tiền 20.000.000 đồng và 300.000 đồng án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy giấy giao nhận tiền. Tổng số tiền án phí bà H phải chịu là 1.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim H về việc yêu cầu bà Phan Thị V phải trả lại số tiền 20.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy giao tiền ngày 27/8/2020.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Kim H phải chịu 2.684.000đồng đồng, bà H đã nộp và chi xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim H phải chịu số tiền 1.300.000 đồng, khấu trừ 500.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006752 ngày 02/11/2020 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011741 ngày 16/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Trương Thị Kim H phải nộp tiếp số tiền 500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho